

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HUYỆN VL  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8 /2021

(Vụ: T – B t/c về ly hôn)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN VL, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Hà .

Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Cúc Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện **Huyện VL**, tỉnh Quảng Trị.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện **Huyện VL** tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL**, Quảng trị. Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL** xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm 1958.

Trú tại: Thôn L, Xã V, Huyện VL, Quảng Trị. Có mặt

- Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn Chấp Lễ, Xã V, Huyện VL, Quảng Trị. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2021 và tại phiên tòa ông Đào Văn T trình bày:

Ông Đào Văn T và bà Lê Thị B kết hôn hợp pháp vào năm 1993 tại UBND xã **Xã V**, huyện **Huyện VL**, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp cùng với việc ông cho rằng bà B có hành vi ngoại tình với người đàn ông khác nên thường xuyên cãi vã, đập đánh lẫn nhau. Đến khoảng năm 2003 ông trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hai ông bà sống ly thân nhau từ đó đến nay, nhận thấy mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để về sống chung với nhau được nữa nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Lê Thị B.

Quá trình chung sống giữa ông bà có 02 con chung là **Đào Duy H**, sinh năm 1988 và **Đào Thị Quỳnh A**, sinh năm 1993. Các con đã thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20/3/2021, Biên bản ghi lời khai đề ngày 09/6/2021 bà Lê Thị **B** trình bày: Bà thừa nhận ý kiến của ông T về việc kết hôn, sau khi kết hôn bà và ông T chung sống với nhau tại thôn Cháp Lễ, xã **Xã V**, **Huyện VL**, Quảng Trị. Do điều kiện phải làm việc xa nên ông T thường xuyên vắng nhà và có quan hệ với người phụ nữ khác về bỏ bê vợ con, không có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dạy các con và chăm lo cho cuộc sống gia đình, đến khoảng năm 2004 ông T chuyển hẳn ra ngoài sinh sống nên ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Tuy vậy, bà **B** không đồng ý ly hôn vì cho rằng việc ly hôn sẽ ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống các con.

Về con chung: Các con đã thành niên.

Về tài sản chung: Nếu Tòa giải quyết ly hôn bà không yêu cầu chia tài sản chung.

- Đại diện VKS nhân dân huyện **Huyện VL** phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án, giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL** đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm nghĩa vụ, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UNTƯVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T.

Về tình cảm: Ông Đào Văn T ly hôn với bà Lê Thị **B**.

Về con chung: Đã thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Ông Đào Văn T chịu án phí DSST.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đào Văn T và bà Lê Thị **B** tranh chấp về ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại thôn Cháp Lễ, xã **Xã V**, huyện **Huyện VL**, tỉnh Quảng Trị, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL** có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Lê Thị **B** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn T và bà Lê Thị **B** có đăng ký kết hôn vào năm 1993, tại UBND xã **Xã V**, **Huyện VL**, Quảng Trị, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và **B** vệ.

Ông T và bà **B** đều thừa nhận do điều kiện ông T phải đi làm xa, ông bà thường xuyên nghi ngờ lẫn nhau về sự không chung thủy nên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh

đập lẫn nhau, đến năm 2003 ông T bỏ đi, vợ chồng ông bà sống ly thân cho đến nay. Từ đó giữa vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chính quyền địa phương UBND xã **Xã V** nơi ông T, bà **B** đăng ký thường trú xác nhận về tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc cũng như việc ông, bà sống ly thân nhiều năm nay là sự thật, cho thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa ông T và bà **B** đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nghĩa vụ sống chung của vợ chồng không được thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bà **B** thừa nhận mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau, nhưng vì cho rằng việc ly hôn sẽ ảnh hưởng không tốt đến các con nên bà **B** không đồng ý ly hôn, lý do bà **B** đưa ra là không thỏa đáng, bởi lẽ cơ sở của hôn nhân là tình cảm và tự nguyện với mục đích là thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm và chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng những tình nghĩa này không tồn tại trong hôn nhân của ông bà, việc bà **B** không đồng ý ly hôn đồng thời không đưa ra giải pháp cụ thể để vợ chồng hàn gắn tình cảm, không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ và vắng mặt không có lý do tại phiên tòa đã thể hiện bản thân bà cũng không còn tha thiết với hôn nhân của mình.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông Đào Văn T được ly hôn với bà Lê Thị **B**.

[3] Về con chung: Đã thành niên

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đào Văn T chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn T đối với bà Lê Thị **B**.

1. Về hôn nhân: Ông Đào Văn T ly hôn với bà Lê Thị **B**.

2. Về con chung: Đã thành niên

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đào Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST. Được trừ đi số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000465 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **Huyện VL**. Ông T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/8/2021), bị đơn vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện **Huyện VL**;
- Chi cục THADS huyện **Huyện VL**;
- Đường sự;
- UBND xã **Xã V**.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vĩnh**